

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI  
KHOA LUẬT

NGÔ VĂN DINH

**ĐỊNH TỘI DANH ĐỐI VỚI TỘI GIẾT NGƯỜI  
THEO LUẬT HÌNH SỰ VIỆT NAM**  
(Trên cơ sở số liệu thực tiễn địa bàn thành phố Đà Nẵng)

*Chuyên ngành: Luật hình sự và tố tụng hình sự*  
*Mã số: 60 38 01 04*

**TÓM TẮT LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT HỌC**

HÀ NỘI - 2016

**Công trình được hoàn thành tại  
Khoa Luật - Đại học Quốc gia Hà Nội**

**Người hướng dẫn khoa học: TS. NGUYỄN KHẮC HẢI**

*Phản biện 1:* .....

*Phản biện 2:* .....

**Luận văn được bảo vệ tại Hội đồng chấm luận văn, họp tại  
Khoa Luật - Đại học Quốc gia Hà Nội  
Vào hồi ..... giờ ....., ngày ..... tháng ..... năm 2016**

**Có thể tìm hiểu luận văn tại  
Trung tâm tư liệu Khoa Luật - Đại học Quốc gia Hà Nội  
Trung tâm tư liệu - Thư viện Đại học Quốc gia Hà Nội**

# MỤC LỤC CỦA LUẬN VĂN

Trang

Trang phụ bìa

Lời cam đoan

Mục lục

Danh mục các bảng, biểu đồ

<b>MỞ ĐẦU</b> .....	1
<b>Chương 1: NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ ĐỊNH TỘI DANH ĐỐI VỚI TỘI GIẾT NGƯỜI</b> .....	8
1.1. KHÁI NIỆM, PHÂN LOẠI VÀ Ý NGHĨA CỦA VIỆC ĐỊNH TỘI DANH ĐỐI VỚI TỘI GIẾT NGƯỜI.....	8
1.1.1. Khái niệm định tội danh đối với tội giết người .....	8
1.1.2. Phân loại các trường hợp định tội danh đối với tội giết người.....	12
1.1.3. Ý nghĩa của việc định tội danh đối với tội giết người.....	17
1.2. CƠ SỞ PHÁP LÝ VÀ CƠ SỞ KHOA HỌC CỦA ĐỊNH TỘI DANH ĐỐI VỚI TỘI GIẾT NGƯỜI.....	21
1.2.1. `Cơ sở pháp lý của định tội danh đối với tội giết người .....	21
1.2.2. `Cơ sở khoa học của định tội danh đối với tội giết người.....	26
1.3. CÁC GIAI ĐOẠN ĐỊNH TỘI DANH ĐỐI VỚI TỘI GIẾT NGƯỜI.....	29
1.3.1. Thu thập, kiểm tra, đánh giá toàn diện chứng cứ chứng minh sự thật của vụ án giết người.....	30
1.3.2. So sánh, đối chiếu các tình tiết của vụ án đã được làm rõ với quy định của Điều 93 Bộ luật hình sự để xác định sự tương đồng.....	32
1.3.3. Đưa ra kết luận về tội danh người đã thực hiện hành vi quy định tại Điều 93 Bộ luật hình sự.....	33
<b>Chương 2: THỰC TRẠNG ĐỊNH TỘI DANH ĐỐI VỚI TỘI GIẾT NGƯỜI TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG</b> .....	35
2.1. KHÁI QUÁT ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG CÓ LIÊN QUAN ĐẾN ĐỊNH TỘI DANH ĐỐI VỚI TỘI GIẾT NGƯỜI.....	35
2.1.1. Khái quát tình hình kinh tế, chính trị, xã hội, dân cư thành phố Đà Nẵng .....	35
2.1.2. Tình hình thụ lý, giải quyết án hình sự về tội giết người của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng .....	41
2.2. THỰC TIỄN ĐỊNH TỘI DANH ĐỐI VỚI TỘI GIẾT NGƯỜI TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG .....	44
2.2.1. Định tội danh đối với tội giết người trong trường hợp tội phạm hoàn thành.....	44
2.2.2. Định tội danh đối với tội giết người trong các trường hợp đặc biệt.....	59
2.2.3. Một số tồn tại, hạn chế và các nguyên nhân cơ bản.....	68
<b>Chương 3: NHỮNG YÊU CẦU VÀ GIẢI PHÁP NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG ĐỊNH TỘI DANH ĐỐI VỚI TỘI GIẾT NGƯỜI TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG</b> .....	80

3.1.	CÁC YÊU CẦU BẢO ĐẢM CHẤT LƯỢNG ĐỊNH TỘI DANH ĐỐI VỚI TỘI GIẾT NGƯỜI TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG .....	80
3.1.1.	Yêu cầu về chính trị, xã hội.....	80
3.1.2.	Yêu cầu về lý luận và thực tiễn .....	81
3.1.3.	Yêu cầu về lập pháp hình sự.....	82
3.2.	GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT HÌNH SỰ VIỆT NAM NHẪM NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG CỦA VIỆC ĐỊNH TỘI DANH ĐỐI VỚI TỘI GIẾT NGƯỜI.....	83
3.2.1.	Hoàn thiện Bộ luật hình sự Việt Nam .....	83
3.2.2.	Giải pháp hướng dẫn thi hành pháp luật, tổng kết xét xử .....	88
3.3.	NHỮNG GIẢI PHÁP BẢO ĐẢM ÁP DỤNG ĐÚNG CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT HÌNH SỰ TRONG ĐỊNH TỘI DANH ĐỐI VỚI TỘI GIẾT NGƯỜI.....	91
3.3.1.	Nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ và làm tốt công tác tổ chức, cán bộ tư pháp, đặc biệt là đội ngũ Thẩm phán.....	91
3.3.2.	Giải pháp giám đốc xét xử, xây dựng án lệ .....	94
3.3.3.	Giải pháp nâng cao năng lực người tiến hành tố tụng và luật sư tại phiên tòa.....	97
3.3.4.	Tăng cường công tác phối hợp, xử lý nghiêm minh khi xét xử và trong việc áp dụng đúng các tình tiết liên quan đến việc định tội danh và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự .....	98
	<b>KẾT LUẬN .....</b>	<b>101</b>
	<b>DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO .....</b>	<b>104</b>

## MỞ ĐẦU

### 1. Tính cấp thiết của đề tài

Tính mạng con người là giá trị cao nhất của con người. Quyền được sống, được tôn trọng và bảo vệ là quyền cơ bản hàng đầu của con người, của công dân. Hiến pháp hiện hành của Việt Nam năm 2013 đã thể hiện tinh thần bảo vệ các quyền con người thông qua nhiều quy định mà trước tiên phải nhắc đến đó là Điều 19 khẳng định quyền sống của mọi người, về sự bảo hộ của pháp luật đối với tính mạng của con người và không ai bị tước đoạt tính mạng trái pháp luật. Thêm vào đó Hiến pháp khẳng định: "*Người bị buộc tội được coi là không có tội cho đến khi được chứng minh theo trình tự luật định và có bản án kết tội của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật*". Điều 9 Bộ luật tố tụng hình sự cũng quy định: "*Không ai bị coi là có tội và phải chịu hình phạt khi chưa có bản án kết tội của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật*".

Thực tiễn xét xử các vụ án hình sự cho thấy các cơ quan tiến hành tố tụng còn gặp nhiều khó khăn, vướng mắc trong việc định tội danh, trong đó có cả tội giết người. Thời gian gần đây tội giết người có xu hướng gia tăng, diễn biến phức tạp ở nhiều địa bàn, bao gồm cả thành phố Đà Nẵng, gây thiệt hại về tính mạng và sức khỏe của con người, ảnh hưởng đến an ninh và trật tự chung của xã hội với nhiều thủ đoạn tinh vi từ chủ thể thực hiện tội phạm. Bộ luật hình sự do Nhà nước ban hành quy định các hành vi nguy hiểm cho xã hội bị coi là tội phạm, tuy vậy những quy định này chỉ nêu lên các dấu hiệu đặc trưng cơ bản nhất của một cấu thành tội phạm, trong khi trên thực tế tội phạm xảy ra vô cùng phức tạp và đa dạng.

Quá trình giải quyết vụ án một cách công minh, có căn cứ và đúng pháp luật, đồng thời bảo vệ một cách vững chắc các quyền và tự do của công dân bằng pháp luật hình sự là một trong những nguyên tắc trong giai đoạn xây dựng Nhà nước pháp quyền Việt Nam hiện nay. Ý thức được tầm quan trọng đó, Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng không ngừng đẩy nhanh tiến độ, nâng cao chất lượng giải quyết, xét xử các loại vụ án, phấn đấu không để xảy ra việc kết án oan người không có tội và bỏ lọt tội phạm, hạn chế tới mức thấp nhất các bản án, quyết định bị hủy, sửa do lỗi chủ quan của Thẩm phán, đảm bảo các quyết định của Tòa án đúng pháp luật, đầy đủ, rõ ràng, dễ hiểu, có sức thuyết phục cao và có tính khả thi. Tuy nhiên, vẫn còn một số ít trường hợp áp dụng không đúng, chưa xem xét đầy đủ tính chất, mức độ phạm tội nên dẫn đến việc định tội danh thiếu chính xác, việc hủy án, sửa án vẫn còn tồn tại ở tội giết người.

Với lý do nêu trên, chúng tôi chọn đề tài: "***Định tội danh đối với tội giết người theo luật hình sự Việt Nam (trên cơ sở số liệu thực tiễn địa bàn thành phố Đà Nẵng)***".

### 2. Tình hình nghiên cứu liên quan đến đề tài

Định tội danh đúng có ý nghĩa rất to lớn về mặt chính trị- xã hội, đạo đức và pháp luật. Vì vậy mà hoạt động định tội đã được đề cập trong rất nhiều công trình nghiên cứu khoa học của các chuyên gia luật hình sự của nước ta, trong đó phải kể đến một số công trình nghiên cứu của PGS.TSKH. Lê Cẩm, "*Một số vấn đề lý luận chung về định tội danh*", chương I, Giáo trình Luật hình sự Việt Nam (phần các tội phạm) của khoa Luật trực thuộc Đại học Quốc gia Hà Nội (Tập thể tác giả do PGS.TSKH. Lê Cẩm chủ biên), Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, 2003; "*Định tội danh-*

lý luận, hướng dẫn mẫu và 350 bài tập thực hành", Lê Cẩm và Trịnh Quốc Toàn chủ biên, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, 2004; Trịnh Quốc Toàn: "Một số vấn đề lý luận về định tội danh và hướng dẫn phương pháp định tội danh", Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội; Định tội danh- Một số vấn đề lý luận và thực tiễn, của PGS.TS. Lê Cẩm, Tạp chí Tòa án nhân dân các số 3, 4, 5, 8, 11 năm 1999; Đỗ Đức Hồng Hà, Mặt khách quan của Tội giết người - Một số vấn đề lý luận và thực tiễn, Tạp chí Nhà nước và pháp luật, số 06/2004; Đỗ Đức Hồng Hà, Một số quan điểm khác nhau về định nghĩa về đối tượng tác động của tội giết người, Tạp chí Tòa án, số 13/2004; Đỗ Đức Hồng Hà, Chủ thể của Tội giết người - Một số vấn đề lý luận và thực tiễn, Tạp chí Tòa án, số 23/2004; Đỗ Đức Hồng Hà, Lịch sử phân hóa trách nhiệm hình sự về Tội giết người từ năm 1945 đến nay, Tạp chí Nhà nước và pháp luật, số 03/2006; Trần Văn Luyện (2001), Các tội xâm phạm tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm của con người, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội; Phùng Thế Vắc - Trần Văn Luyện, Bình luận khoa học Bộ luật hình sự 1999, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội, 2001; Trần Văn Luyện (2000), Các tội xâm phạm tính mạng, sức khỏe, nhân phẩm, danh dự của con người, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

Những bài nghiên cứu trên đã khái quát được một số vấn đề lý luận liên quan đến hoạt động định tội danh và thực tiễn định tội; phân tích, đánh giá, nhận định một số nhận định liên quan đến yếu tố định tội danh, đồng thời phân biệt với một số tội phạm trong Bộ luật hình sự năm 1999...

Tuy vậy, hiện nay vẫn chưa có công trình nào nghiên cứu về vấn đề định tội danh đối với tội giết người trên địa bàn thành phố Đà Nẵng.

### **3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu của đề tài**

#### **3.1. Mục đích nghiên cứu**

Mục đích của việc nghiên cứu đề tài này là phân tích khoa học để làm sáng tỏ các vấn đề lý luận và thực tiễn về định tội danh nói chung và định tội danh đối với tội giết người nói riêng, cũng như đánh giá thực tiễn áp dụng trên địa bàn thành phố Đà Nẵng, từ đó đưa ra đề xuất yêu cầu và những giải pháp nâng cao chất lượng, hiệu quả của việc định tội danh đối với tội giết người trên địa bàn Đà Nẵng nói riêng, cả nước nói chung.

#### **3.2. Nhiệm vụ nghiên cứu**

Từ mục đích nghiên cứu nêu trên, luận văn đặt ra những nhiệm vụ nghiên cứu cụ thể như sau:

- 1) Xây dựng khái niệm định tội danh và định tội danh đối với tội giết người;
- 2) Phân loại và nêu ý nghĩa của việc định tội danh đối với tội giết người;
- 3) Phân tích cơ sở pháp lý và cơ sở khoa học của việc định tội danh đối với tội giết người; cũng như các giai đoạn định tội danh đối với tội giết người;
- 4) Đánh giá, phân tích thực trạng định tội danh đối với tội giết người trên địa bàn thành phố Đà Nẵng, từ đó chỉ ra những tồn tại, hạn chế và một số nguyên nhân cơ bản;
- 5) Luận chứng và đề xuất yêu cầu và những giải pháp nâng cao chất lượng, hiệu quả của việc định tội danh đối với tội giết người trên địa bàn Đà Nẵng nói riêng, cả nước nói chung.

### **4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu của đề tài**

Về đối tượng nghiên cứu, đề tài tập trung nghiên cứu về thực tiễn định tội danh

đối với tội giết người tại Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng trên cơ sở Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi, bổ sung ngày 19/6/2009 và những văn bản pháp luật có liên quan.

Về phạm vi nghiên cứu, luận văn nghiên cứu các vấn đề lý luận và thực tiễn về định tội danh đối với tội giết người theo luật hình sự Việt Nam (như: khái niệm, phân loại, cơ sở pháp lý và cơ sở khoa học, các giai đoạn của việc định tội danh đối với tội phạm này), đánh giá thực tiễn trên địa bàn thành phố Đà Nẵng trong giai đoạn 05 năm (2011 - 2015), trên cơ sở đó, chỉ ra những tồn tại, hạn chế và một số nguyên nhân cơ bản, từ đó luận chứng và đề xuất những giải pháp nâng cao chất lượng, hiệu quả của việc định tội danh đối với tội phạm này trên địa bàn Đà Nẵng nói riêng, cả nước nói chung.

### **5. Cơ sở lý luận và phương pháp nghiên cứu**

Đề tài được nghiên cứu trên cơ sở lý luận của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và quan điểm, định hướng của Đảng về chính sách hình sự; quan điểm, đường lối xử lý các tội xâm phạm tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm nói chung và tội giết người nói riêng.

Phương pháp nghiên cứu: Luận văn sử dụng phương pháp luận của chủ nghĩa duy vật biện chứng, và duy vật lịch sử của chủ nghĩa Mác - Lênin. Một số phương pháp cụ thể như: phương pháp thống kê, phân tích và tổng hợp số liệu dựa trên những bản án, quyết định, số liệu thống kê, báo cáo tổng kết của các cấp Tòa án. Phương pháp so sánh pháp luật để đối chiếu với các quy định của pháp luật với nhau nhằm tìm ra những điểm mới trong quá trình nghiên cứu.

### **6. Ý nghĩa khoa học và ý nghĩa thực tiễn**

*Về mặt lập pháp*, việc hoàn thiện các quy định hiện hành như Bộ luật hình sự năm 1999, được sửa đổi bổ sung năm 2009, Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003 về chống và phòng ngừa tội giết người đáp ứng đòi hỏi của thực tiễn cũng phải thực sự chú trọng để làm cơ sở định tội danh, đủ sức răn đe đẩy lùi loại tội phạm nguy hiểm này. Giải quyết những vướng mắc trong áp dụng quy định của pháp luật hình sự vào việc định tội danh là một trong những nhiệm vụ quan trọng của việc hoàn thiện các văn bản quy phạm pháp luật... dẫn đến tình trạng thiếu thống nhất, thiếu đồng bộ trong áp dụng và giải thích pháp luật.

*Về mặt thực tiễn*, xuất phát từ thực tiễn định tội danh đối với tội giết người trên địa bàn cả nước nói chung và ở Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng nói riêng đã cho thấy sự yếu kém của một bộ phận cán bộ, công chức trong việc nhận thức cũng như áp dụng đúng đắn các quy định của pháp luật hình sự, dẫn đến hiệu quả của cuộc đấu tranh phòng và chống tội phạm chưa cao, đôi khi còn bỏ lọt tội phạm, gây thiệt hại cho các quyền của con người và của công dân, làm giảm hiệu quả của cuộc đấu tranh chống tội phạm.

*Về mặt lý luận*, vấn đề định tội danh đối với tội giết người tuy đã được đề cập trong nhiều công trình nghiên cứu khác nhau nhưng hiện chưa có một nghiên cứu nào đề cập đến việc định tội danh đối với tội giết người trên địa bàn thành phố Đà Nẵng.

### **7. Những điểm mới của luận văn**

Đề tài phân tích dựa trên những bản án, quyết định, báo cáo công tác ngành Tòa án tại thành phố Đà Nẵng - đó là những số liệu thực tế góp phần làm rõ hơn về thực trạng về định tội danh trên địa bàn này. Do đó, những điểm mới cơ bản của luận văn như sau:

- 1) Xây dựng khái niệm định tội danh và định tội danh đối với tội giết người;
- 2) Phân loại và nêu ý nghĩa của việc định tội danh đối với tội giết người;
- 3) Phân tích cơ sở pháp lý và cơ sở khoa học của việc định tội danh đối với tội giết người; cũng như các giai đoạn định tội danh đối với tội giết người;
- 4) Đánh giá, phân tích thực trạng định tội danh đối với tội giết người trên địa bàn thành phố Đà Nẵng, từ đó chỉ ra những tồn tại, hạn chế và một số nguyên nhân cơ bản;
- 5) Luận chứng và đề xuất yêu cầu và những giải pháp nâng cao chất lượng, hiệu quả của việc định tội danh đối với tội giết người trên địa bàn thành phố Đà Nẵng nói riêng, cả nước nói chung.

## **8. Kết cấu của luận văn**

Ngoài phần mở đầu, kết luận và danh mục tài liệu tham khảo, nội dung của luận văn gồm 3 chương:

*Chương 1:* Những vấn đề chung về định tội danh đối với tội giết người.

*Chương 2:* Thực trạng định tội danh đối với tội giết người trên địa bàn thành phố Đà Nẵng.

*Chương 3:* Những yêu cầu và giải pháp nâng cao chất lượng định tội danh đối với tội giết người.

### *Chương 1*

## **NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ ĐỊNH TỘI DANH ĐỐI VỚI TỘI GIẾT NGƯỜI**

### **1.1. KHÁI NIỆM, PHÂN LOẠI VÀ Ý NGHĨA CỦA VIỆC ĐỊNH TỘI DANH ĐỐI VỚI TỘI GIẾT NGƯỜI**

#### **1.1.1. Khái niệm định tội danh đối với tội giết người**

GS. TSKH. Lê Văn Cẩm quan niệm định tội danh là quá trình áp dụng pháp luật hình sự và pháp luật tố tụng hình sự:

Dưới góc độ khoa học, định tội danh có thể được hiểu là quá trình nhận thức lý luận có tính logic, là dạng của hoạt động thực tiễn áp dụng pháp luật hình sự cũng như pháp luật tố tụng hình sự và được tiến hành trên cơ sở các chứng cứ tài liệu thu thập được tiến hành trên cơ sở các chứng cứ các tài liệu thu thập được và các tình tiết thực tế của vụ án hình sự để xác định sự phù hợp giữa các dấu hiệu của hành vi nguy hiểm cho xã hội được thực hiện với các dấu hiệu của cấu thành tội phạm tương ứng do luật hình sự quy định nhằm đạt được sự thật khách quan, tức là đưa ra sự đánh giá chính xác tội phạm về mặt pháp lý hình sự, làm tiền đề cho việc cá thể hóa và phân hóa trách nhiệm hình sự một cách công minh, có căn cứ và đúng pháp luật.

Còn GS. TS. Võ Khánh Vinh thì định tội danh chỉ là hoạt động áp dụng pháp luật hình sự:

Định tội danh là một dạng hoạt động nhận thức, hoạt động áp dụng pháp luật hình sự nhằm đi tới chân lý khách quan trên cơ sở xác định đúng đắn, đầy đủ các tình tiết cụ thể của hành vi phạm tội được thực hiện, nhận thức đúng nội dung quy phạm pháp luật hình sự quy định cấu thành tội phạm tương ứng và mối liên hệ tương đồng



giữa các dấu hiệu của cấu thành tội phạm với các tình tiết cụ thể của hành vi phạm tội bằng các phương pháp và thông qua các giai đoạn nhất định.

*Định tội danh đối với tội giết người là hoạt động thực tiễn áp dụng pháp luật hình sự, pháp luật tố tụng hình sự của các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền và người có thẩm quyền, được tiến hành trên cơ sở các tài liệu, chứng cứ thu thập được để xác định có hay không có sự phù hợp giữa hành vi xâm phạm tính mạng đã xảy ra với các dấu hiệu cấu thành tội phạm của tội giết người quy định tại Điều 93 Bộ luật hình sự, làm tiền đề cho việc giải quyết các vấn đề liên quan đến hình phạt và các biện pháp cưỡng chế hình sự khác.*

### **1.1.2. Phân loại các trường hợp định tội danh đối với tội giết người**

Như vậy, theo cách tiếp cận này, có thể phân chia định tội danh đối với tội giết người làm hai dạng (hay hai trường hợp) tương ứng - định tội danh chính thức và định tội danh không chính thức đối với tội giết người.

#### **\* Hình thức định tội danh chính thức đối với tội giết người**

*Thứ nhất*, định tội danh chính thức đối với tội giết người là hoạt động mang tính tổ chức - quyền lực Nhà nước. Chủ thể tiến hành hình thức định tội danh này được Nhà nước quy định rõ trong Bộ luật tố tụng hình sự. Đó là các cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng.

*Thứ hai*, định tội danh chính thức đối với tội giết người được tiến hành trong tất cả các giai đoạn tố tụng, từ khởi tố, điều tra, truy tố và xét xử (gồm cả xét xử sơ thẩm, phúc thẩm, giám đốc thẩm và tái thẩm).

*Thứ ba*, hậu quả của hình thức định tội danh chính thức đối với tội giết người là việc xác định trách nhiệm hình sự đối với người phạm tội này. Định tội danh chính thức đối với tội giết người là sự đánh giá về mặt pháp lý chính thức của các cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng nói trên đối với hành vi giết người xảy ra trong thực tế thỏa mãn cấu thành tội phạm của tội giết người quy định tại Điều 93 Bộ luật hình sự.

#### **\* Hình thức định tội danh không chính thức đối với tội giết người**

Theo quan điểm của GS. TS. Võ Khánh Vinh thì: “*Định tội danh không chính thức là sự đánh giá pháp lý về hành vi phạm tội do các nhà nghiên cứu khoa học pháp lý, tác giả bài báo, tạp chí, công trình khoa học, sinh viên, học viên hoặc bất kỳ một người nào đó quan tâm nghiên cứu cụ thể vụ án này hay vụ án khác đưa ra*”. Như vậy, khác với định tội danh chính thức, định tội danh không chính thức đối với tội giết người không phải do những chủ thể có thẩm quyền thực hiện theo quy định của pháp luật. Khái niệm “*chính thức*” ở đây phải được hiểu là chính thức về mặt Nhà nước.

### **1.1.3. Ý nghĩa của việc định tội danh đối với tội giết người**

#### **\* Ý nghĩa về phương diện chính trị - xã hội**

Định tội danh đối với tội giết người, nếu được tiến hành bởi cơ quan nhà nước có thẩm quyền và người có thẩm quyền trong các cơ quan đó là hoạt động thực hiện quyền lực nhà nước. Trong xã hội có giai cấp, Nhà nước là tổ chức chính trị đặc biệt, là công cụ của giai cấp thống trị có chức năng duy trì trật tự, ổn định xã hội và quyền lợi của giai cấp thống trị. Do đó, có thể xem định tội danh đối với tội giết người là một hoạt động mang tính chính trị sâu sắc.

#### **\* Ý nghĩa về phương diện pháp lý**

Tóm lại, định tội danh đối với tội giết người là hoạt động nhận thức mang tính

logic, thể hiện sự đánh giá của chủ thể định tội danh về sự phù hợp hay không phù hợp giữa hành vi tước đoạt tính mạng của người khác một cách trái pháp luật trong thực tế với cấu thành tội phạm tội giết người. Có thể có nhiều loại chủ thể khác nhau tham gia vào hoạt động định tội danh, trong đó có các chủ thể là các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng theo quy định của pháp luật hiện hành. Định tội danh đối với tội giết người có ý nghĩa quan trọng về mặt chính trị - xã hội và về mặt pháp lý, là một trong những phương thức để bảo vệ quyền được bảo hộ về tính mạng – một trong những quyền cơ bản của con người được pháp luật quốc gia Việt Nam và pháp luật quốc tế bảo vệ.

## **1.2. CƠ SỞ PHÁP LÝ VÀ CƠ SỞ KHOA HỌC CỦA ĐỊNH TỘI DANH ĐỐI VỚI TỘI GIẾT NGƯỜI**

Định tội danh đối với tội giết người, dù là chính thức hay không chính thức cũng đều phải dựa trên những cơ sở nhất định. Do định tội danh là sự đánh giá về mặt pháp lý nên nó có cơ sở pháp lý. Mặt khác, định tội danh lại là hoạt động nhận thức mang tính logic nên nó đồng thời cũng có cơ sở khoa học. Như vậy, có hai cơ sở - cơ sở pháp lý và cơ sở khoa học của định tội danh đối với tội giết người.

### **1.2.1. Cơ sở pháp lý của định tội danh đối với tội giết người**

Trước hết, GS. TSKH. Lê Văn Cẩm cho rằng:

- Trên bình diện rộng (hay hiểu theo nghĩa cả về nội dung và hình thức) thì những căn cứ pháp lý của việc định tội danh là hệ thống các quy phạm pháp luật hình sự với tính chất là cơ sở pháp lý duy nhất (trực tiếp) cũng như hệ thống các quy phạm luật tố tụng hình sự với tính chất là cơ sở pháp lý bổ trợ (gián tiếp) cho toàn bộ quá trình xác định các dấu hiệu của hành vi nguy hiểm cho xã hội được thực hiện là tội phạm.

- Trên bình diện hẹp (chỉ hiểu theo nghĩa về nội dung) thì những căn cứ pháp lý của việc định tội danh là chỉ có hệ thống các quy phạm luật hình sự với tính chất là cơ sở pháp lý duy nhất (trực tiếp) cho toàn bộ quá trình xác định các dấu hiệu của hành vi nguy hiểm cho xã hội được thực hiện là tội phạm.

#### **\* Cơ sở pháp lý về nội dung của định tội danh đối với tội giết người**

Khi định tội danh đối với tội giết người, chủ thể định tội danh phải căn cứ vào quy định của Điều 93 Bộ luật hình sự. Điều luật này được quy định trong Bộ luật hình sự như sau:

Điều 93. Tội giết người

1. Người nào giết người thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ mười hai năm đến hai mươi năm, tù chung thân hoặc tử hình:

- a) Giết nhiều người;
- b) Giết phụ nữ mà biết là có thai;
- c) Giết trẻ em;
- d) Giết người đang thi hành công vụ hoặc vì lý do công vụ của nạn nhân;
- đ) Giết ông, bà, cha, mẹ, người nuôi dưỡng, thầy giáo, cô giáo của mình;
- e) Giết người mà liền trước đó hoặc ngay sau đó lại phạm một tội rất nghiêm trọng hoặc tội đặc biệt nghiêm trọng;
- g) Để thực hiện hoặc che giấu tội phạm khác;
- h) Để lấy bộ phận cơ thể của nạn nhân;
- i) Thực hiện tội phạm một cách man rợ;

- k) Bằng cách lợi dụng nghề nghiệp;
- l) Bằng phương pháp có khả năng làm chết nhiều người;
- m) Thuê giết người hoặc giết người thuê;
- n) Có tính chất côn đồ;
- o) Có tổ chức;
- p) Tái phạm nguy hiểm;
- q) Vì động cơ đê hèn.

2. Phạm tội không thuộc các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này, thì bị phạt tù từ bảy năm đến mười lăm năm.

3. Người phạm tội còn có thể bị cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ một năm đến năm năm, phạt quản chế hoặc cấm cư trú từ một năm đến năm năm.

**\* Cơ sở pháp lý về hình thức của định tội danh đối với tội giết người**

Cơ sở pháp lý về hình thức được hiểu là các bản bản pháp luật quy định về thủ tục tố tụng làm cơ sở cho việc định tội danh và giải quyết vụ án hình sự. GS. TSKH. Lê Văn Cẩm cho rằng:

Mặc dù các quy phạm pháp luật tố tụng hình sự ở chừng mực nhất định có ý nghĩa gián tiếp đối với việc định tội danh nhưng chúng có ý nghĩa pháp lý quan trọng đối với việc bảo vệ các quyền và tự do của công dân trong lĩnh vực pháp luật hình sự, nhất là trong giai đoạn xây dựng nhà nước pháp quyền ở Việt Nam hiện nay.

**1.2.2. Cơ sở khoa học của định tội danh đối với tội giết người**

Như vậy, có thể khẳng định cấu thành tội phạm của tội giết người là cơ sở lý luận để định tội danh đối với loại tội phạm này. Các dấu hiệu cấu thành tội phạm tội giết người được ghi nhận trong cả Phần chung và Phần các tội phạm Bộ luật hình sự. Qua nghiên cứu quy định của Bộ luật hình sự, có thể rút ra các dấu hiệu cấu thành của tội giết người như sau:

**\* Khách thể của tội giết người**

Tội giết người xâm phạm quyền được sống của con người. Do đó, quyền được sống là khách thể trực tiếp của tội phạm này. Để gây thiệt hại cho quyền được sống, hành vi giết người phải tác động đến những đối tượng nhất định. Đối tượng tác động của tội giết người là thân thể con người đang sống một cách bình thường.

**\* Mặt khách quan của tội giết người**

Hành vi khách quan của tội phạm bao gồm cả hành động và không hành động. Trường hợp hành động thường được biểu hiện như: đâm, chém, bắn, đá, đốt cháy, đầu độc, bóp cổ, treo cổ, trói ném xuống vực, xuống sông, chôn sống v.v...

Hành vi tước đoạt tính mạng của người khác phải là hành vi trái pháp luật, tức là luật cấm mà cứ làm, luật bắt làm mà không làm. Như vậy, sẽ có trường hợp tước đoạt tính mạng người khác được pháp luật cho phép như: hành vi tước đoạt tính mạng của người khác trong trường hợp phòng vệ chính đáng, trong tình thế cấp thiết hoặc thi hành một mệnh lệnh hợp pháp của nhà chức trách.

**\* Mặt chủ quan của tội giết người**

Tội giết người được thực hiện do lỗi cố ý. Người phạm tội nhận thức rõ hành vi của mình là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền được sống của người khác mà vẫn thực hiện hành vi đó. Mục đích nhằm tước đoạt mạng sống của người khác.

### **\* Chủ thể của tội giết người**

Chủ thể của tội giết người là người có năng lực trách nhiệm hình sự và đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự.

### **1.3. CÁC GIAI ĐOẠN ĐỊNH TỘI DANH ĐỐI VỚI TỘI GIẾT NGƯỜI**

Theo GS.TSKH. Lê Văn Cẩm thì:

- Xem xét và thiết lập đúng các tình tiết thực tế của vụ án trong sự phù hợp với hiện thực khách quan;

- Nhận thức một cách thống nhất và chính xác nội dung các quy phạm luật hình sự đang có hiệu lực thi hành;

- Lựa chọn đúng điều khoản tương ứng trong Phần các tội phạm của Bộ luật hình sự quy định trách nhiệm đối với tội phạm cụ thể để so sánh, đối chiếu và kiểm tra các dấu hiệu của cấu thành tội phạm đó với các tình tiết cụ thể của hành vi nguy hiểm cho xã hội đã được thực hiện.

- Ra văn bản áp dụng pháp luật, trong đó đưa ra kết luận có căn cứ và đảm bảo sức thuyết phục về sự phù hợp (tương đồng) của hành vi thực tế đã được thực hiện trong thực tế khách quan với cấu thành tội phạm cụ thể tương ứng được quy định trong luật hình sự.

Ngoài ra, PGS. TS. Dương Tuyết Miên lại cho rằng định tội danh phải trải qua ba bước:

- Bước 1: Nghiên cứu hồ sơ vụ án, xem xét và đánh giá các tình tiết của vụ án trong sự phù hợp với hiện thực khách quan.

- Bước 2: Tìm ra tội danh và điều luật tương ứng (phù hợp) với hành vi đã thực hiện trên thực tế.

- Bước 3: Ra văn bản áp dụng pháp luật trong đó kết luận một cách có căn cứ hành vi đã thực hiện có phạm tội không, nếu phạm tội thì theo điều luật nào của Bộ luật hình sự.

#### **1.3.1. Thu thập, kiểm tra, đánh giá toàn diện chứng cứ chứng minh sự thật của vụ án giết người**

*Một là*, làm rõ sự thật của vụ án thông qua các chứng cứ đã được thu thập, củng cố và kiểm tra theo đúng quy định của pháp luật tố tụng hình sự. Trong thực tế, nhiệm vụ này chỉ đặt ra đối với hoạt động định tội danh chính thức với chủ thể định tội danh là Cơ quan Điều tra, Điều tra viên trực tiếp thụ lý điều tra vụ án, Phó Thủ trưởng, Thủ trưởng Cơ quan Điều tra. Đối với các cơ quan tiến hành tố tụng khác, nhiệm vụ trực tiếp của họ là kiểm tra lại chứng cứ đã thu thập được để xác định xem toàn bộ sự thật vụ án đã được làm rõ hay chưa.

*Hai là*, trên cơ sở các tình tiết vụ án đã được làm rõ, phải phân tích một cách khách quan, toàn diện, đầy đủ các tình tiết đó để xác định những tình tiết có ý nghĩa đối với việc giải quyết vụ án cũng như đối với định tội danh.

#### **1.3.2. So sánh, đối chiếu các tình tiết của vụ án đã được làm rõ với quy định của Điều 93 Bộ luật hình sự để xác định sự tương đồng**

*Một là*, phải đối chiếu các từng tình tiết của vụ án xảy ra với các dấu hiệu cấu thành tội phạm tương ứng của tội giết người. Sau đó, phải đối chiếu, so sánh tổng thể tất cả các tình tiết của vụ án với tổng thể các dấu hiệu cấu thành tội phạm của tội phạm nêu trên.

*Hai là*, phải phát hiện, tìm ra sự đồng nhất giữa các tình tiết điển hình của vụ án với các dấu hiệu pháp lý mà Bộ luật hình sự mô tả trong Điều 93. Trường hợp có căn cứ khẳng định không có sự đồng nhất thì phải kiểm tra lại. Sau khi xác định chắc chắn không có sự đồng nhất với cấu thành tội phạm tội giết người thì có thể chuyển sang kiểm tra các quy phạm pháp luật hình sự khác để kết luận có hay không có tội phạm xảy ra, nếu có tội phạm xảy ra không thuộc trường hợp tội giết người thì cấu thành tội phạm nào khác.

### **1.3.3. Đưa ra kết luận về tội danh người đã thực hiện hành vi quy định tại Điều 93 Bộ luật hình sự**

Tóm lại, có thể nói rằng, việc phân chia các giai đoạn định tội danh nêu trên chỉ có tính chất tương đối. Nhiều khi các chủ thể định tội danh có sự gộp giai đoạn này vào giai đoạn khác. Cũng có trường hợp việc định tội danh lại phải quay lại bắt đầu từ đầu để kiểm tra lại tính đúng đắn của kết quả định tội danh hoặc để định tội danh được đúng đắn, phù hợp với chân lý khách quan và quy định của pháp luật nếu như chủ thể định tội danh có những sai lầm nào đó trong quá trình định tội danh.

## ***Chương 2***

### **THỰC TRẠNG ĐỊNH TỘI DANH ĐỐI VỚI TỘI GIẾT NGƯỜI TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

#### **2.1. KHÁI QUÁT ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG CÓ LIÊN QUAN ĐẾN ĐỊNH TỘI DANH ĐỐI VỚI TỘI GIẾT NGƯỜI**

##### **2.1.1. Khái quát tình hình kinh tế, chính trị, xã hội, dân cư thành phố Đà Nẵng**

Thành phố Đà Nẵng có vị trí địa lý thuận lợi, nằm ở Trung bộ Việt Nam, nối liền hai đầu đất nước. Diện tích tự nhiên 1.248,4km<sup>2</sup>, dân số 956.281 người. Tổ chức hành chính bao gồm 06 quận (Hải Châu, Thanh Khê, Liên Chiểu, Cẩm Lệ, Sơn Trà, Ngũ Hành Sơn) và 02 huyện (Hoà Vang, Hoàng Sa). Là một địa bàn có vị trí rất quan trọng về chiến lược quốc phòng, kinh tế, văn hoá xã hội và giao lưu quốc tế., hội tụ đầy đủ về cơ sở hạ tầng. Kinh tế xã hội thành phố Đà Nẵng tương đối phát triển. Đà Nẵng được xác định là trung tâm kinh tế của khu vực miền Trung – Tây Nguyên, đóng vai trò động lực thúc đẩy sự phát triển kinh tế xã hội của cả khu vực.

Thứ nhất: Không có hộ nghèo theo chuẩn thành phố.

Thứ hai: Không có học sinh bỏ học ở cấp Tiểu học và Trung học cơ sở.

Thứ ba: Không có người lang thang xin ăn.

Thứ tư: Không có người nghiện ma tuý trong cộng đồng.

Thứ năm: Không có giết người để cướp của.

##### **2.1.2. Tình hình thụ lý, giải quyết án hình sự về tội giết người của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng**

**Bảng 2.1: Tình hình xét xử chung và tình hình xét xử tội giết người của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng trong giai đoạn 05 năm (2011 – 2015)**

Năm	Tội phạm	Thụ lý		Giải quyết		Còn lại	
		Số vụ án	Số bị cáo	Số vụ án	Số bị cáo	Số vụ án	Số bị cáo
2011	Số vụ án hình sự và số bị cáo	45	74	45	74	0	0
	Sơ thẩm (Điều 93)	15	27	15	27	0	0
2012	Số vụ án hình sự và số bị cáo	51	118	51	118	0	0
	Sơ thẩm (Điều 93)	16	34	16	34	0	0
2013	Số vụ án hình sự và số bị cáo	64	161	64	161	0	0
	Sơ thẩm (Điều 93)	14	33	14	33	0	0
2014	Số vụ án hình sự và số bị cáo	63	127	61	122	1	5
	Sơ thẩm (Điều 93)	18	53	18	53	0	0
2015	Số vụ án hình sự và số bị cáo	51(+01)	97 (+05)	52	102	0	0
	Sơ thẩm (Điều 93)	8	13	8	13	0	0
Tổng cộng	Số vụ án hình sự và số bị cáo	274	577	274	577	0	0
	Sơ thẩm (Điều 93)	71	160	71	160	0	0

(Nguồn: Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng)

**Bảng 2.2: Tỷ lệ tình hình xét xử chung và tình hình xét xử tội giết người của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng trong giai đoạn 05 năm (2011 - 2015)**

Giai đoạn	Tổng số vụ án (1)	Tổng số vụ án Điều 93 (2)	Tỷ lệ (2)/(1)	Tổng số bị cáo (3)	Tổng số bị cáo Điều 93 (4)	Tỷ lệ (4)/(3)
2011 - 2015	274	71	39%	557	160	35%

(Nguồn: Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng giai đoạn 2011-2015)

## 2.2. THỰC TIỄN ĐỊNH TỘI DANH ĐỐI VỚI TỘI GIẾT NGƯỜI TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

### 2.2.1. Định tội danh đối với tội giết người trong trường hợp tội phạm hoàn thành

Định tội danh đối với tội phạm hoàn thành là việc so sánh, đối chiếu hành vi nguy hiểm cho xã hội được thực hiện với các dấu hiệu của cấu thành tội phạm cụ thể trong Phần các tội phạm Bộ luật hình sự quy định, từ đó xác định và tìm ra sự tương đồng.

Như vậy, định tội danh đối với tội giết người trong trường hợp tội phạm ở giai đoạn hoàn thành là sự đánh giá về mặt pháp lý hình sự hành vi chiếm đoạt tài sản đã xảy ra trên cơ sở đối chiếu, so sánh và kiểm tra để xác định sự giống nhau giữa các dấu hiệu của hành vi ấy với các dấu hiệu của cấu thành tội phạm của tội giết người quy định tại Điều 93 Bộ luật hình sự.

**\* Việc đánh giá về mặt pháp lý các dấu hiệu thuộc yếu tố khách thể của tội giết người**

Trong định tội danh đối với tội giết người, liên quan đến yếu tố khách thể của tội phạm còn có dấu hiệu đối tượng tác động của tội phạm này. “Đối tượng tác động

*của tội phạm là bộ phận của khách thể của tội phạm, bị hành vi phạm tội tác động đến để gây thiệt hại hoặc đe dọa gây thiệt hại cho những quan hệ xã hội được luật hình sự bảo vệ*". Đối tượng tác động của tội giết người theo quy định của Điều 93 Bộ luật hình sự chính là cơ thể con người.

**\* Việc đánh giá về mặt pháp lý các dấu hiệu thuộc yếu tố mặt khách quan của tội giết người**

*Một là*, về mặt thời gian hành vi khách quan của tội giết người phải xảy ra trước hậu quả chết người.

*Hai là*, hành vi khách quan của tội giết người độc lập hoặc trong mối liên hệ tổng hợp với một hay nhiều hiện tượng khách quan phải chứa đựng khả năng thực tế làm phát sinh hậu quả chết người.

*Ba là*, hậu quả chết người đã xảy ra phải là sự hiện thực hóa khả năng thực tế làm phát sinh hậu quả của hành vi giết người. Người bị hại không chết nằm ngoài ý muốn chủ quan của tội phạm.

**\* Việc đánh giá về mặt pháp lý các dấu hiệu thuộc yếu tố chủ thể của tội giết người**

Trong quá trình điều tra, bị cáo đã thành khẩn khai nhận tội, ăn năn hối lỗi, bản thân chưa có tiền án tiền sự, bị cáo phạm tội khi mới 14 tuổi 5 tháng 23 ngày, tâm sinh lý chưa hoàn thiện. Vì vậy Toà án nhân dân thành phố Đà Nẵng cần phải áp dụng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b,p khoản 1, khoản 2 điều 46 và áp dụng thêm điều 47 quyết định hình phạt nhẹ hơn quy định của Bộ luật hình sự, điều 69 - nguyên tắc xử lý đối với người chưa thành niên phạm tội, điều 74 – Tù có thời hạn đối với người chưa thành niên phạm tội xử phạt bị cáo dưới mức án thấp nhất của khung hình phạt để thể hiện sự khoan hồng của pháp luật và phù hợp với nguyên tắc xử lý người chưa thành niên phạm tội. Hội đồng xét xử của Toà án nhân dân thành phố Đà Nẵng đã quyết định tuyên phạt bị cáo Nguyễn Viết Sơn 4 năm tù, buộc bị cáo phải bồi thường thiệt hại cho gia đình nạn nhân 60 triệu đồng.

**\* Việc đánh giá về mặt pháp lý các dấu hiệu thuộc yếu tố mặt chủ quan của tội giết người**

Theo quy định của Điều 93 Bộ luật hình sự, tội giết người được thực hiện dưới hình thức lỗi cố ý trực tiếp. Mục đích phạm tội là nhằm tước tính mạng của người khác. Điểm cần lưu ý trong định tội danh liên quan đến yếu tố mặt chủ quan của tội phạm là hai dấu hiệu nêu trên không chỉ có trong tội giết người mà còn được quy định trong cấu thành tội phạm các tội xâm phạm tính mạng khác. Điều này sẽ dẫn đến việc dễ có sự nhầm lẫn trong định tội danh đối với tội giết người và các tội xâm phạm tính mạng khác khác, như tội giết con mới đẻ, tội giết người do vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng.

**2.2.2. Định tội danh đối với tội giết người trong các trường hợp đặc biệt**

Định tội danh đối với tội giết người trong các trường hợp đặc biệt được hiểu là định tội danh trong trường hợp tội phạm ở giai đoạn chưa hoàn thành; trường hợp ngoài tội giết người, người phạm tội còn phạm thêm các tội khác và trường hợp vụ án giết người có yếu tố đồng phạm

**\* Việc định tội danh đối với tội giết người trong trường hợp tội phạm ở giai đoạn chưa hoàn thành**

Về giai đoạn phạm tội chưa đạt, Điều 18 Bộ luật hình sự quy định: "*Phạm tội*

*chưa đạt là cố ý thực hiện tội phạm nhưng không thực hiện được đến cùng vì những nguyên nhân ngoài ý muốn của người phạm tội*". Theo quy định của Điều 93 Bộ luật hình sự, tội giết người được coi là hoàn thành khi hậu quả đã xảy ra, tức là đã gây ra thiệt hại về tính mạng của con người. Còn trong trường hợp phạm tội giết người chưa đạt, tức là người phạm tội đã thực hiện hành vi nhằm tước đoạt tính mạng của người khác, cho dù thực hiện hết hoặc chưa thực hiện hết các hành vi mình cho là cần thiết, nhưng chưa gây được ra hậu quả cái chết của con người và điều này nằm ngoài mong muốn của người phạm tội.

***\* Việc định tội danh đối với trường hợp phạm nhiều tội, trong đó có tội giết người***

Định tội danh đối với trường hợp phạm nhiều tội là sự đánh giá về mặt pháp lý một hoặc nhiều hành vi nguy hiểm cho xã hội được thực hiện trên cơ sở đối chiếu, so sánh để xác định sự phù hợp giữa các tình tiết của một hoặc nhiều hành vi ấy với những dấu hiệu của các cấu thành tội phạm cụ thể được quy định tại điều luật tương ứng Phần các tội phạm của Bộ luật hình sự.

***\* Việc định tội danh trong trường hợp đồng phạm đối với tội giết người***

Trong trường hợp đồng phạm giản đơn, việc định tội danh cho người phạm tội giết người không gặp nhiều khó khăn vì tất cả những người đồng phạm đều là người thực hành, tức là người trực tiếp thực hiện hành vi tước đoạt tính mạng của nạn nhân.

**2.2.3. Một số tồn tại, hạn chế và các nguyên nhân cơ bản**

**2.2.3.1. Một số tồn tại, hạn chế**

Qua thực tiễn định tội danh của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng đối với tội giết người trong giai đoạn 05 năm (2011 - 2015) đã cho thấy cơ bản các chủ thể định tội danh đã xác định tội danh chính xác, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, không làm oan người vô tội, không bỏ lọt tội phạm. Trung bình một năm trong thời gian 05 năm (2011 - 2015), Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng đã xét xử 14 vụ án và 32 bị cáo về tội giết người. Căn cứ vào nội dung và các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án, về cơ bản Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng đã xét xử đúng người, đúng pháp luật và đúng tội danh.

***\* Còn có vụ án chưa làm rõ sự thật khách quan, chưa đủ chứng cứ chứng minh tội phạm nên định tội danh chưa đúng***

Tại Bản án hình sự số 36/HSST ngày 28/9/2015 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng xét xử Nguyễn Việt Sơn, sinh ngày 23/11/2000 phạm tội Giết người đã nêu ở phần trên, bị cáo Nguyễn Việt Sơn bị Kỳ vừa dùng tay trái đè cổ Sơn xuống rồi dùng tay phải đánh 01 cái trúng vào lưng của Sơn; Lâm xông vào dùng tay đánh Sơn ngã xuống đất. Sơn đã chủ động bỏ chạy vào khu vực bếp để trốn, Truy nhiên Nguyễn Hoài Lâm và đồng bọn tiếp tục lao vào, dùng mũ bảo hiểm đánh 01 cái trúng đầu Sơn. Bị cáo Sơn dùng đũa 01 nhát vào vùng ngực phải của Lâm để chống trả lại hành vi tấn công của Lâm (Lâm lớn hơn Sơn). Hành vi này thoả mãn các yếu tố cấu thành tội giết người trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh theo khoản 1 điều 95 Bộ luật hình sự. Bị cáo giết người trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh do hành vi trái pháp luật nghiêm trọng của nạn nhân đối với chính mình.

***\* Nhận thức không đúng về hành vi khách quan của tội giết người nên áp dụng Điều 93 Bộ luật hình sự chưa đúng (nhầm lẫn giữa cấu thành cơ bản và cấu thành tăng nặng, các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ...)***



Bản án hình sự số 25/2015/HSST ngày 01/8/2015 của Toà án nhân dân thành phố Đà Nẵng xét xử Hoàng Văn Hậu (SN 1990, ngụ thôn Hải Nam, xã Diên Bích, huyện Diên Châu, Nghệ An) về 2 hành vi “Giết người”, “Cướp tài sản”.

Theo kết quả từ CQĐT cũng như cáo trạng ngày 1/8 nêu, khoảng tháng 3/2012, Hoàng Văn Hậu vào Đà Nẵng tìm việc làm, tình cờ gặp anh Trần Trường Thành (còn gọi Vũ, SN 1973, ngụ phường An Hải Bắc, quận Sơn Trà, Đà Nẵng). Thành thuộc dân đồng tính, giàu có nhưng sống độc thân trong 1 căn nhà khang trang. Ngoài ra, Thành làm nghề đáo hạn ngân hàng, cho vay lãi. Thấy Hậu, anh Thành chủ động làm quen, sau đó tự nguyện giúp đỡ Hậu tìm việc làm. Đến cuối năm 2013, Hậu về quê lấy vợ. Khoảng thời gian này, Hậu và Thành vẫn thường xuyên liên lạc qua điện thoại. Anh Thành còn hứa, khi nào Hậu thiếu tiền thì vào Đà Nẵng sẽ cho mượn, đổi lại, Hậu đáp ứng tình dục cho anh Thành.

Tháng 9/2014, vợ Hậu sắp sinh nở cần nhiều tiền, nhưng gia đình lại quá nghèo khó. Trong lúc túng bách, Hậu nhớ đến anh Thành và nảy ý định nhờ giúp đỡ tiền bạc. Qua điện thoại trao đổi, anh Thành cũng đồng ý với điều kiện Hậu phải gặp mình trao đổi tình. Ngày 29/9/2014, Hậu từ quê bắt xe vào Đà Nẵng. Chiều ngày 30/9/2014, Hậu đến thẳng nhà anh Thành. Gặp nhau, cả 2 nấu cơm ăn chung, sau đó vào phòng ngủ của anh Thành để nghỉ ngơi. Tại đây, anh Thành yêu cầu Hậu cho mình được thỏa mãn dục vọng mới cho mượn tiền. Hậu đứng dậy bỏ đi và bị anh Thành kéo lại nên Hậu gạt tay trúng miệng anh Thành gây chảy máu. Tức giận, anh Thành dùng lời lẽ thô tục chửi vừa chửi, vừa lấy cây cọc mắc màn đánh Hậu. Hậu cũng đáp trả trở lại bằng cách lấy ổ cắm điện có sẵn trong phòng ném về phía anh Thành. Anh Thành mất thế ngã xuống đất, bị Hậu tiếp tục lấy dây điện siết cổ cho đến chết rồi lột 2 nhẫn vàng và lắc trên tay nạn nhân. Hậu dùng dao cạy tủ lấy đi gần 200 triệu đồng; bỏ lại lắc vàng với mục đích đánh lạc hướng CQĐT. Có được tài sản, Hậu cho vào túi xách cá nhân, dùng xe máy, mũ bảo hiểm của anh Thành chạy đến một ngôi trường ở quận Hải Châu và bỏ lại đây. Sau đó, Hậu nhờ người chở đến khu vực trước Công viên 29/3 (quận Thanh Khê) và tiếp tục bắt xe buýt lên Bến xe Trung tâm thành phố để tìm cách về Nghệ An. Ngày 1/10/2014, Hậu có mặt tại thôn Hải Nam đưa vợ đi sinh. Số tiền cướp được, Hậu tiêu xài cá nhân 1,8 triệu; đưa vợ 7,5 triệu, cho anh trai mượn 30 triệu, còn lại Hậu bỏ vào lon sắt mang chôn dưới đất. Xác định vụ án liên quan đến giết người, cướp tài sản đặc biệt nghiêm trọng, Công an TP. Đà Nẵng xác lập Chuyên án 008G để đấu tranh. Sau gần 10 ngày vào cuộc, hung thủ bị tóm gọn tại Nghệ An. Đêm ngày 9/10, Hậu được di lý về đến Đà Nẵng để tiếp tục điều tra, truy tố. Kết luận giám định pháp y về tử thi số 263/GDPY ngày 20/10/2014 của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an thành phố Đà Nẵng, kết luận nguyên nhân Trần Trường Thành tử vong do ngạt cơ học.

**\* Có sự không đồng nhất trong việc xác định hung khí nguy hiểm, thủ đoạn nguy hiểm trong vụ án giết người**

Thứ nhất: Bị can không có mục đích giết người nhưng trong quá trình hành động biết rằng hành vi của mình tất yếu sẽ làm nạn nhân chết mà vẫn thực hiện thì cần định tội danh là giết người.

Thứ hai: Bị can không có mục đích giết người nhưng sử dụng hung khí nguy hiểm hoặc kể cả sử dụng chân tay tấn công vào các vị trí hiểm yếu trên cơ thể nạn nhân hoặc trong điều kiện, hoàn cảnh gây nguy hiểm cao...làm nạn nhân chết thì cần định tội danh là giết người.

Thứ ba: Bị can không có mục đích giết người nhưng có ý thức để mặc hậu quả xảy ra. Nếu hậu quả vừa làm chết người vừa làm bị thương người khác thì cần xác định phạm cả 2 tội là giết người và cố ý gây thương tích.

### **2.2.3.2. Các nguyên nhân cơ bản**

*\* Về việc đánh giá chứng cứ*

Đánh giá chứng cứ được xem là hoạt động then chốt, có ý nghĩa quyết định trong việc định tội danh, áp dụng khung hình phạt trong quá trình xét xử. Thông qua hoạt động đánh giá chứng cứ, nhận thức của thẩm phán về các tình tiết của vụ án giết người được nâng cao một cách đầy đủ toàn diện.

*\* Trình độ nghiệp vụ và trang thiết bị phục vụ cho công tác xử lý tội phạm còn hạn chế ảnh hưởng đến chất lượng định tội danh*

Trong quá trình xét xử, còn tình trạng nhầm lẫn giữa các tình tiết định tội và tình tiết tăng nặng. Trong các tình tiết định tội ở khung cơ bản của Điều 104 có những tình tiết giống như tình tiết tăng nặng tại khoản 1 Điều 93 Bộ luật hình sự. Ví dụ như điểm d "đôi với trẻ em, phụ nữ có thai, người già yếu, ốm đau..."; điểm đ "Đôi với ông, bà, cha, mẹ, người nuôi dưỡng, thầy giáo, cô giáo của mình"; điểm e "có tổ chức"; điểm h, điểm i và điểm k "Thuê gây thương tích hoặc gây thương tích thuê"; "Có tính chất côn đồ hoặc tái phạm nguy hiểm"; "Đề cản trở người thi hành công vụ hoặc vì lý do công vụ của nạn nhân".

*\* Về định tội danh, áp dụng các tình tiết định khung hình phạt chưa thoả đáng*

Xác định tội danh, áp dụng tình tiết định khung hình phạt, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trong xét xử các vụ án hình sự nói chung và vụ án giết người nói riêng là một vấn đề hết sức quan trọng, là giai đoạn cơ bản trong quá trình áp dụng pháp luật hình sự. Trên cơ sở xác định người phạm tội đã thực hiện hành vi phạm tội gì, quy định tại điều khoản nào của Bộ luật hình sự, người áp dụng sẽ quyết định một hình phạt phù hợp đối với hành vi đó. Vì thế việc xác định tội danh, áp dụng tình tiết định khung hình phạt trong xét xử được xem là tiền đề, điều kiện cho việc quyết định hình phạt đúng đắn, góp phần mang lại hiệu quả trong xét xử về tội giết người. Trong trường hợp định tội không chính xác sẽ dẫn đến kết án sai, không phù hợp với sự thật khách quan của vụ án, xử lý oan người vô tội, để lọt tội phạm, xử nhẹ hoặc nặng hơn so với tính chất nguy hiểm cho xã hội của hành vi tội phạm đó.

*\* Sự phối hợp giữa các cơ quan tiến hành tố tụng chưa nhịp nhàng, thống nhất*

Tồn tại, thiếu sót trong công tác điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án hình sự, của các ngành Công an, Tòa án, Thi hành án cũng là tồn tại, thiếu sót của ngành Kiểm sát. Do đó, việc phối hợp giữa các cơ quan tiến hành tố tụng trên địa bàn thành phố Đà Nẵng càng cần phải được tăng cường một cách hiệu quả hơn theo tinh thần Nghị quyết số 37/2012/QH13 ngày 23 tháng 11 năm 2013 về công tác phòng, chống vi phạm pháp luật và tội phạm và Nghị quyết số 63/2013/QH13 ngày 27 tháng 11 năm 2013 về tăng cường các biện pháp đấu tranh phòng, chống tội phạm, trong đó có tội giết người.

### *Chương 3*

## **NHỮNG YÊU CẦU VÀ GIẢI PHÁP NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG ĐỊNH TỘI DANH ĐỐI VỚI TỘI GIẾT NGƯỜI TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

### **3.1. CÁC YÊU CẦU BẢO ĐẢM CHẤT LƯỢNG ĐỊNH TỘI DANH ĐỐI VỚI TỘI GIẾT NGƯỜI TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

#### **3.1.1. Yêu cầu về chính trị, xã hội**

Đường lối, quan điểm của Đảng về tổ chức, hoạt động của Tòa án nhằm đáp ứng yêu cầu cải cách tư pháp tiến bộ được thể hiện rõ nét trong Hiến pháp 2013. Tòa án nhân dân được tổ chức độc lập theo thẩm quyền xét xử, đảm bảo là chỗ dựa của nhân dân trong việc bảo vệ công lý, quyền con người, đồng thời là công cụ hữu hiệu bảo vệ pháp luật và pháp chế xã hội chủ nghĩa, đấu tranh có hiệu quả với các loại tội phạm và vi phạm. Đảng, Nhà nước và Chính phủ đã ban hành nhiều chỉ thị, Nghị quyết, Kết luận, Chương trình, văn bản... đã thể hiện chính sách chung trong việc hoàn thiện hệ thống pháp luật hình sự, bảo đảm yêu cầu đấu tranh phòng, chống tội phạm trong tình hình mới, cũng như phòng ngừa oan, sai, vi phạm pháp luật trong thực tiễn áp dụng pháp luật.

#### **3.1.2. Yêu cầu về lý luận và thực tiễn**

Mặc dù đã đạt được những kết quả đáng ghi nhận trong công tác đấu tranh chống và phòng ngừa tội phạm nói chung và tội giết người nói riêng, những kết quả đó mới là bước đầu, chưa thật sự bền vững và mới tập trung vào giải quyết những vấn đề bức xúc nhất. Công tác xét xử còn bộc lộ nhiều hạn chế. Chính sách hình sự, chế định pháp luật dân sự và pháp luật về tố tụng tư pháp còn nhiều bất cập, chậm được sửa đổi, bổ sung. Đội ngũ thẩm phán, thư ký còn thiếu; trình độ nghiệp vụ và bản lĩnh chính trị của một số cán bộ còn yếu, thậm chí có một số cán bộ sa sút về phẩm chất, đạo đức và trách nhiệm nghề nghiệp.

Cho nên, nâng cao chất lượng, hiệu quả của việc định tội danh đối với tội giết người dưới phương diện lý luận và thực tiễn đóng vai trò quan trọng, góp phần hạn chế tới mức thấp nhất các tồn tại trong thực tiễn giải quyết vụ án hình sự về loại tội phạm nguy hiểm này.

#### **3.1.3. Yêu cầu về lập pháp hình sự**

Hoàn thiện pháp luật hình sự Việt Nam về định tội danh nói chung và tội giết người chính là từng bước khắc phục hết một số tồn tại trong việc định tội danh đối với tội phạm này của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng, từ đó nâng cao chất lượng và hiệu quả của công tác định tội danh có ý nghĩa về phương diện lập pháp hình sự, cũng như xác định rõ ranh giới phạm tội và không phải là tội phạm, tránh vi phạm trong thực tiễn xét xử.

Như vậy, trong số các nguyên nhân có nguyên nhân do hệ thống văn bản pháp luật hình sự (Bộ luật hình sự và các văn bản hướng dẫn áp dụng thống nhất pháp luật chưa hoàn thiện). Vì vậy, từ đó đặt ra yêu cầu cấp thiết phải nâng cao hiệu quả của hoạt động định tội danh đối với tội giết người đòi hỏi không chỉ hoàn thiện hệ thống pháp luật hình sự để có căn cứ pháp lý chặt chẽ và thống nhất khi định tội danh đối với tội phạm này, cũng như có các giải pháp bảo đảm áp dụng đúng các quy định của công tác định tội danh, qua đó, góp phần đấu tranh phòng, chống tội phạm có hiệu quả cao.

## 3.2. GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT HÌNH SỰ VIỆT NAM NHẪM NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG CỦA VIỆC ĐỊNH TỘI DANH ĐỐI VỚI TỘI GIẾT NGƯỜI

### 3.2.1. Hoàn thiện Bộ luật hình sự Việt Nam

\* *Về khái niệm tội giết người*, Bộ luật hình sự Việt Nam năm 1999 (Điều 93) và năm 2015 (Điều 123) đều không định nghĩa cụ thể tội giết người. Tuy nhiên trong khoa học pháp lý hình sự có nhiều cách định nghĩa khác nhau. Định nghĩa thứ nhất cho rằng: "*Tội giết người là hành vi cố ý tước đoạt trái pháp luật tính mạng người khác*". Định nghĩa thứ hai cho rằng: "*Tội giết người là hành vi trái pháp luật của người đủ năng lực trách nhiệm hình sự cố ý tước bỏ quyền sống của người khác*". Định nghĩa thứ ba cho rằng: "*Tội giết người là hành vi làm chết người khác một cách cố ý và trái pháp luật*".

#### \* *Về đối tượng tác động của các tội xâm phạm tính mạng của con người*

Các tội xâm phạm tính mạng của con người xâm phạm quan hệ nhân thân thông qua sự tác động làm biến đổi tình trạng bình thường của đối tượng tác động - con người đang sống. Việc xác định đúng đối tượng tác động của tội xâm phạm tính mạng của con người có ý nghĩa vô cùng quan trọng. Bởi lẽ, nếu hành vi nào đó tác động vào đối tượng không phải hay chưa phải là con người thì không xâm phạm đến quyền sống của con người nên không phạm tội xâm phạm tính mạng của con người.

#### \* *Về các tình tiết định khung tăng nặng*

Thứ nhất, cần bổ sung cụm từ "cùng lúc đó" vào tình tiết định khung tăng nặng "giết người mà liền trước đó hoặc ngay sau đó lại phạm một tội rất nghiêm trọng hoặc tội đặc biệt nghiêm trọng". Bởi vì, tội rất nghiêm trọng hoặc tội đặc biệt nghiêm trọng có thể được thực hiện liền trước hoặc ngay sau tội phạm giết người, nhưng cũng có thể được thực hiện cùng một lúc với tội phạm giết người. Nếu theo quy định hiện nay thì chỉ khi nào tội rất nghiêm trọng hoặc tội đặc biệt nghiêm trọng được thực hiện liền trước hoặc ngay sau tội phạm giết người mới bị áp dụng tình tiết định khung tăng nặng, còn khi tội rất nghiêm trọng hoặc tội đặc biệt nghiêm trọng được thực hiện cùng một lúc với tội phạm giết người thì lại không bị áp dụng.

Thứ hai, để áp dụng thống nhất tình tiết định khung tăng nặng giết nhân thân, người nuôi dưỡng, giáo dục (ông, bà, cha, mẹ, người nuôi dưỡng, thầy giáo, cô giáo...), chúng tôi kiến nghị các cơ quan có thẩm quyền tách tình tiết này thành 3 tình tiết "giết ông, bà, cha, mẹ của mình", "giết người nuôi dưỡng mình" và "giết thầy giáo, cô giáo của mình".

### 3.2.2. Giải pháp hướng dẫn thi hành pháp luật, tổng kết xét xử

Thứ nhất, các cơ quan có thẩm quyền cần sớm ban hành các văn bản hướng dẫn đối tượng tác động của tội phạm giết người theo hướng: Thời điểm bắt đầu sự sống của con người là bắt đầu quá trình sinh đứa trẻ, khi một phần cơ thể của thai nhi đã được nhìn thấy từ bên ngoài qua cửa mình của người mẹ.

Thứ hai, để áp dụng thống nhất tình tiết định khung tăng nặng giết trẻ em, chúng tôi kiến nghị các cơ quan có thẩm quyền cần sớm ban hành văn bản hướng dẫn áp dụng tình tiết này theo hướng: người nào giết người dưới 16 tuổi, dù biết hay không biết đều bị áp dụng tình tiết định khung tăng nặng là giết trẻ em.

Thứ ba, mặc dù tình tiết định khung tăng nặng là giết người vì động cơ đê hèn đã được Toàn án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng (Nghị quyết số 04/HĐTP ngày

29/11/1986) nhưng một số thẩm phán áp dụng một cách cảm tính, khó xác định. Để khắc phục tình trạng trên, thông qua việc tổng kết kinh nghiệm xét xử nhiều năm tại thành phố Đà Nẵng, người viết đề nghị cần quy định nhiều hơn các trường hợp được xem là giết người vì động cơ đê hèn trong các văn bản hướng dẫn áp dụng pháp luật đối với tình tiết này. Một số trường hợp sau đây được xem là giết người vì động cơ đê hèn: giết vợ hoặc chồng để tự do lấy vợ hoặc chồng khác; giết chồng để lấy vợ hoặc chồng nạn nhân; giết chủ nợ để trốn nợ; giết người để cướp tài sản; giết người là ân nhân của mình; giết thân nhân của người muốn giết; người bị giết không có khả năng tự vệ (người trên 80 tuổi; người bị bệnh; trẻ em dưới 14 tuổi); giết người thật sự yêu thương; lo lắng cho quyền lợi của mình chỉ vì những duyên cớ cá nhân, ích kỷ; giết người vì động cơ vụ lợi (để được hưởng di sản thừa kế; tiền bảo hiểm tính mạng của người chết;...)

Thứ tư, đối với tình tiết định khung tăng nặng giết người có tính chất côn đồ vẫn còn nhiều quan điểm khác nhau. Để khắc phục tình trạng trên, chúng tôi cho rằng chỉ nên áp dụng tình tiết định khung tăng nặng giết người có tính chất côn đồ khi thỏa mãn hai điều kiện: Một là, về chủ quan, người phạm tội là người có thái độ hung hãn, coi thường pháp luật. Hai là: Về khách quan, họ giết nạn nhân chỉ vì lý do nhỏ nhặt hoặc không cần lý do.

Thứ năm, người viết kiến nghị các cơ quan có thẩm quyền sớm ban hành văn bản hướng dẫn phân biệt tội giết người với tội vô ý làm chết người trong những trường hợp chủ tài sản áp dụng các biện pháp bất hợp pháp nhằm bảo vệ tài sản như: đặt bẫy, đào hố chông...) nhưng đã gây ra hậu quả chết người, theo hướng: Định tội giết người trong các trường hợp áp dụng các biện pháp bất hợp pháp vừa nhằm bảo vệ tài sản vừa nhằm ngăn chặn con người; tuy chỉ nhằm bảo vệ tài sản, không nhằm ngăn chặn con người nhưng vì không có ý thức loại trừ hậu quả chết người nên hậu quả này đã xảy ra; tuy áp dụng các biện pháp bất hợp pháp nhằm bảo vệ tài sản, nhưng đã có ý thức bảo vệ tính mạng con người.

Thứ sáu, mặc dù trách nhiệm hình sự đối với tội phạm giết người đã được quy định cụ thể trong Bộ luật hình sự 1999 nhưng qua thực tiễn xét xử, nghiên cứu các bản án về tội giết người trong những năm qua tại thành phố Đà Nẵng, người viết nhận thấy việc áp dụng trách nhiệm hình sự đối với tội phạm giết người vẫn còn tình trạng hình phạt được áp dụng không tương xứng với tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội. Nguyên nhân của tồn tại như nêu trên chủ yếu là do các cơ quan tiến hành tố tụng đã áp dụng không đúng, không thống nhất tình tiết định khung tăng nặng cũng như tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự.

### **3.3. NHỮNG GIẢI PHÁP BẢO ĐẢM ÁP DỤNG ĐÚNG CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT HÌNH SỰ TRONG ĐỊNH TỘI DANH ĐỐI VỚI TỘI GIẾT NGƯỜI**

Nhằm bảo đảm áp dụng đúng các quy định của pháp luật hình sự trong định tội danh đối với tội giết người của Tòa án nhân dân trên địa bàn thành phố Đà Nẵng nói riêng và cả nước nói chung, cần có những giải pháp sau đây:

#### **3.3.1. Nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ và làm tốt công tác tổ chức, cán bộ tư pháp, đặc biệt là đội ngũ Thẩm phán**

Thứ nhất, ngành dọc về Tư pháp ở Trung ương và địa phương phải thường xuyên tổ chức lớp tập huấn nghiệp vụ chuyên sâu về lĩnh vực pháp luật hình sự, pháp luật tố tụng hình sự cho đội ngũ Điều tra viên, Kiểm sát viên, Thẩm phán nhằm đào

tạo, bồi dưỡng và cập nhật kịp thời các kiến thức mới, các phương thức, thủ đoạn, các hình thức phạm tội mới cho đội ngũ cán bộ này.

Thứ hai, tổ chức tuyển chọn đội ngũ Điều tra viên, Kiểm sát viên, đặc biệt là đội ngũ Thẩm phán và Hội thẩm nhân dân, đội ngũ có vai trò, ý nghĩa quyết định trong việc xử lý các vụ án. Riêng về đội ngũ Hội thẩm nhân dân cần lựa chọn với tiêu chí am hiểu chuyên sâu về pháp luật, có uy tín cao trong cộng đồng dân cư, tránh tình trạng lựa chọn Hội thẩm mang tính chủ quan, duy ý chí dẫn đến chất lượng không cao, đôi lúc chỉ mang tính hình thức trong các phiên tòa – “là cánh tay đắc lực của thẩm phán”.

Thứ ba, quan tâm đúng mức công tác đánh giá năng lực của cán bộ tư pháp, đặc biệt là cán bộ Thẩm phán, nghề quyết định các vấn đề liên quan đến con người, sinh mệnh chính trị của con người. Giải pháp để nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ tư pháp nói chung, đội ngũ Điều tra viên, Kiểm sát viên, Thẩm phán nói riêng cần đặc biệt quan tâm, thể hiện qua việc lựa chọn một cách chặt chẽ, khách quan và có khoa học để bảo đảm chất lượng, xây dựng chương trình đào tạo bài bản, khoa học về kỹ năng hành nghề, được kiểm tra đánh giá, sát hạch bằng đội ngũ chuyên gia khoa học pháp lý đầu ngành, có đủ khả năng nhận định một cách khách quan, chính xác để đáp ứng yêu cầu trong tình hình hiện nay và trong tương lai về hoạt động điều tra, truy tố và xét xử.

Thứ tư, tăng cường công tác xây dựng ngành, bảo đảm đội ngũ cán bộ, công chức tư pháp, đặc biệt là trong cơ quan Tòa án trong sạch, vững mạnh, có ý thức tổ chức kỷ luật, có phẩm chất đạo đức, bản lĩnh chính trị, nghề nghiệp, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ vững vàng; có lộ trình từng bước đảm bảo đủ về số lượng cán bộ, chú trọng những địa phương ở vùng sâu, vùng xa. Cần đổi mới cơ chế tuyển chọn, giới thiệu người để bổ nhiệm Thẩm phán theo hướng mở rộng nguồn bổ nhiệm; khắc phục việc chậm trễ trong việc bổ nhiệm lại; quy định chặt chẽ về tỷ lệ các bản án, quyết định bị hủy, sửa do lỗi chủ quan của Thẩm phán khi đánh giá, kiểm điểm, xem xét bổ nhiệm lại Thẩm phán.

Thứ năm, triển khai công tác quy hoạch và luân chuyển, biệt phái, điều động cán bộ, bồi dưỡng, tập huấn cho cán bộ Tòa án và Hội thẩm nhân dân. Thực hiện Kết luận số 116-TB/TW ngày 27/12/2012 của Bộ Chính trị về việc đào tạo cán bộ của ngành Tòa án nhân dân và ngành Kiểm sát nhân dân, Tòa án nhân dân tối cao đã triển khai xây dựng Chiến lược đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức ngành Tòa án nhân dân đến năm 2020, Đề án về đào tạo chuyên gia đầu ngành về pháp luật và nghiệp vụ Tòa án, Đề án phối hợp với các trung tâm đào tạo để xây dựng cơ chế đào tạo nguồn cán bộ cho các Tòa án vùng sâu, vùng xa; v.v...

Thứ sáu, tổ chức kiểm tra thường xuyên việc thực hiện nhiệm vụ, công vụ của cán bộ, công chức; phối hợp chặt chẽ với cấp ủy Đảng địa phương trong công tác quản lý cán bộ; khen thưởng kịp thời, xứng đáng các tập thể, cá nhân có nhiều thành tích trong công tác; xử lý kịp thời, nghiêm minh các trường hợp có vi phạm, đặc biệt là các hành vi lợi dụng nghề nghiệp, chức vụ, quyền hạn để tham nhũng, lãng phí, nhận hối lộ và những biểu hiện tiêu cực khác.

Thứ bảy, nâng cao công tác giáo dục chính trị tư tưởng, tiếp tục đẩy mạnh phong trào thi đua “*Phụng công, thủ pháp, chí công vô tư*” với phương châm “*gần dân, hiểu dân, giúp dân, học dân*” gắn với cuộc vận động “*Học tập và làm theo tấm*

ương đạo đức Hồ Chí Minh” trong toàn ngành Tòa án nhân dân. Triển khai quán triệt và tổ chức thực hiện nghiêm túc “Quy tắc ứng xử của cán bộ công chức ngành Tòa án nhân dân”; tăng cường kỷ luật công vụ, gắn trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, đơn vị với việc đề cán bộ, công chức trong cơ quan, đơn vị mình có hành vi vi phạm đạo đức, vi phạm pháp luật.

### **3.3.2. Giải pháp giám đốc xét xử, xây dựng án lệ**

Thứ nhất, cần nâng cao chất lượng quan điểm pháp lý của các thẩm phán. Muốn như vậy việc xây dựng và sử dụng án lệ luôn đặt vai trò của thẩm phán lên hàng đầu vì họ là người trực tiếp xây dựng và sử dụng án lệ. Cần phải mở rộng nguồn tài liệu là cơ sở đưa ra các lập luận hay lý lẽ thể hiện các quyết định, bản án của tòa án. Cần sử dụng bất cứ nguồn gì để có thể thuyết phục rằng quan điểm pháp lý của các thẩm phán là hợp lý. Vì vậy, nên cải cách phần "xét thấy" trong quyết định giám đốc thẩm của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao về nội dung lẫn hình thức. Các thẩm phán có thể dẫn chiếu hoặc trích dẫn nhiều nguồn khác nhau và ghi vào trong các quyết định của tòa án. Những lập luận của các thẩm phán cần phải được đưa ra cộng đồng pháp lý cũng như thực tiễn pháp lý để kiểm nghiệm và bổ sung. Cần phải nhìn nhận các quan điểm pháp lý tồn tại trong án lệ dưới góc độ "mở" và trong tương quan với điều kiện kinh tế - xã hội luôn vận động. Điều này có nghĩa rằng các quan điểm pháp lý của các án lệ thường xuyên phải được kiểm nghiệm bổ sung và loại bỏ, dĩ nhiên nó cũng cần có tính ổn định tương đối của riêng nó.

Thứ hai, để tiến tới công nhận và sử dụng án lệ có hiệu quả thì việc công bố bản án là việc làm không thể không nhắc đến. Công bố bản án sẽ góp phần bảo đảm tính minh bạch của pháp luật và có ý nghĩa quan trọng cho cả các thẩm phán lẫn người dân. Khi có các tập bản án sẽ tạo điều kiện cho các thẩm phán áp dụng pháp luật thống nhất, còn người dân có thể hiểu biết các quy định của pháp luật rõ ràng hơn và góp phần nâng cao ý thức tuân thủ pháp luật. Tuy nhiên, để có thể phát huy được vai trò và phát huy hiệu quả của án lệ thì cần phải chọn lọc lại các quyết định giám đốc thẩm trước khi phát hành, chỉ các quyết định liên quan đến vấn đề pháp lý, không nên đăng tải các quyết định liên quan đến vấn đề sự kiện. Trong thời gian qua, mặc dù Tòa án Tối cao cho phát hành các tập quyết định giám đốc thẩm nhưng trong đó không phải phán quyết nào cũng có thể được coi là án lệ. Bởi vì án lệ chỉ được hình thành khi có một quan điểm pháp lý mới đối với vấn đề mà nguồn văn bản quy phạm chưa quy định hoặc quy định chưa rõ ràng.

### **3.3.3. Giải pháp nâng cao năng lực người tiến hành tố tụng và luật sư tại phiên tòa**

Một là: Thẩm phán, Kiểm sát viên phải nhận thức đúng đắn rằng, hồ sơ vụ án chỉ là tài liệu do Cơ quan điều tra thu thập, có thể mang tính chủ quan, duy ý chí. Phải đề cao nguyên tắc “bản án chỉ căn cứ vào những chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa”, thực hiện đúng tinh thần chỉ đạo của Nghị quyết số 08/NQ-TW việc giải quyết của Tòa án phải căn cứ chủ yếu và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, người bào chữa, bị cáo, nhân chứng, nguyên đơn, bị đơn và những người có quyền, lợi ích hợp pháp để đưa ra những bản án, quyết định đúng pháp luật có sức thuyết phục.

Hai là, Kiểm sát viên phải xác định đúng vị trí vai trò, trách nhiệm của mình tại phiên tòa hình sự “chứng minh tội phạm là nghĩa vụ của Viện kiểm sát”. Viện

kiểm sát đã thực hiện việc truy tố bị cáo ra Tòa thì đương nhiên phải có nghĩa vụ chứng minh cho quyết định buộc tội của mình.

Ba là, Bị cáo, các đương sự và người bào chữa cho bị cáo, bảo vệ quyền lợi cho đương sự phải chủ động và tích cực đưa ra những chứng cứ, lập luận trên cơ sở pháp luật để tranh luận với Kiểm sát viên cũng như giữa các đương sự trong vụ án, tạo điều kiện cho bị cáo tranh luận với Kiểm sát viên tại phiên tòa.

Bốn là, trình tự, thủ tục phiên tòa phải tuân thủ quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự để không bỏ sót quy trình và đảm bảo quyền lợi cho các bên tham gia tranh tụng, cần phải có cơ chế giám sát tính khách quan, minh bạch của biên bản phiên tòa.

Năm là, trong các vụ án giết người có tính chất đặc biệt nghiêm trọng, phức tạp, Hội đồng xét xử phải có sự phân công, phân nhiệm rõ ràng, phải xây dựng kế hoạch cụ thể suốt quá trình nghiên cứu, đánh giá chứng cứ của vụ án. Bên cạnh đó, phải thường xuyên trao đổi những nhận định, đánh giá về chứng cứ cụ thể của vụ án giữa các thành viên trong Hội đồng xét xử, tránh việc đánh giá chứng cứ không thống nhất, việc đùn đẩy trách nhiệm dẫn đến hiệu quả xét xử các vụ án không cao.

#### **3.3.4. Tăng cường công tác phối hợp, xử lý nghiêm minh khi xét xử và trong việc áp dụng đúng các tình tiết liên quan đến việc định tội danh và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự**

Một là, các cơ quan bảo vệ pháp luật và Tòa án trong địa bàn thành phố cần nhận thức rõ việc phối hợp phải làm theo chức năng, nhiệm vụ của ngành được Nhà nước giao phó, sự phối hợp không mang tính chất hỗ trợ đơn thuần mà là sự cộng đồng trách nhiệm trong công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm.

Hai là, các cơ quan bảo vệ pháp luật và Tòa án chỉ được phối hợp trong phạm vi trách nhiệm và tạo ra sự chế ước trong môi trường và điều kiện cụ thể, tránh tư tưởng thỏa hiệp, bằng lòng, đùn đẩy trách nhiệm. Tất cả các cơ quan bảo vệ pháp luật và Tòa án đều phải ý thức đầy đủ rằng: Xét xử oan là một sai lầm lớn thì bỏ lọt tội cũng là sai lầm không nhỏ, do đó, sự phối hợp đó phải đòi hỏi đi đôi với đấu tranh để bảo vệ pháp chế, trật tự pháp luật.

Bên cạnh đó, trong việc định tội danh đúng còn đòi hỏi các cơ quan tiến hành tố tụng phải áp dụng chính xác các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với người phạm tội. Những tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đóng vai trò quan trọng trong việc lượng hình, do đó, khi xác định phải bảo đảm có căn cứ, áp dụng chính xác và phù hợp với tình tiết khách quan của vụ án và hành vi phạm tội. Những tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự có vai trò làm tăng lên hoặc giảm đi đáng kể phản ánh mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, hoàn cảnh đặc biệt của người phạm tội, cũng như khả năng cải tạo, giáo dục họ. Khi định tội danh đúng, áp dụng tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự chính xác sẽ được dư luận xã hội đồng tình và phát huy hiệu quả tích cực trong việc đấu tranh phòng, chống tội phạm, ngược lại, dù định tội danh đúng như áp dụng không đúng sẽ dẫn đến sai sót, xâm phạm lợi ích của người phạm tội và dư luận xã hội đồng tình, đồng thời, logic là sẽ làm giảm hiệu quả trong việc đấu tranh phòng, chống tội phạm. Vì vậy, việc định tội danh đúng còn đòi hỏi phải áp dụng những tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự chính xác để quyết định hình phạt công bằng và đúng pháp luật.



## KẾT LUẬN

Giết người là tội phạm đặc biệt nghiêm trọng, tội danh này đã được quy định rất sớm trong hệ thống pháp luật hình sự Việt Nam, thể hiện bằng Bộ luật Hồng Đức - Quốc triều Hình luật. Trên cơ sở nghiên cứu lịch sử hình thành và phát triển của pháp luật hình sự Việt Nam về tội giết người, chúng ta có thể thấy quy định về tội giết người ngày càng hoàn thiện, bảo đảm tính khoa học, thể hiện được tính nhân văn, phù hợp với thuần phong mỹ tục người Việt Nam. Bộ luật hình sự năm 2015 đã được xây dựng trên cơ sở kế thừa những kinh nghiệm lập pháp của cha ông ta. Nó vừa mang tính sáng tạo, đổi mới phù hợp với xu thế phát triển và hội nhập của đất nước vừa giữ được những bản sắc văn hóa, đạo đức, thuần phong mỹ tục phù hợp với truyền thống lâu đời của dân tộc ta. Có thể nói quy định về tội giết người trong hệ thống pháp luật Việt Nam từ trước đến nay cơ bản luôn theo kịp và thích ứng với điều kiện hoàn cảnh của đất nước ta trong từng giai đoạn lịch sử.

Trong giai đoạn hiện nay, phòng, chống tội phạm là một trong những nhiệm vụ trọng yếu, cấp bách, thường xuyên, liên tục và lâu dài nhằm thực hiện Hiến pháp, pháp luật và các văn bản hướng dẫn thi hành, góp phần bảo vệ công lý, bảo vệ quyền con người, quyền công dân, bảo vệ lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân; Phòng, chống tội phạm là nhiệm vụ của toàn Đảng, toàn dân và toàn quân, trong đó các cơ quan chức năng làm nòng cốt, vai trò, trách nhiệm người đứng đầu các cấp, các ngành, cơ quan, tổ chức, đơn vị, địa phương nhằm huy động sức mạnh tổng hợp của hệ thống chính trị và nhân dân tích cực tham gia có hiệu quả công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm; đề cao vai trò, trách nhiệm và tính chủ động, sáng tạo của Mặt trận Tổ quốc các cấp, các tổ chức đoàn thể, quần chúng nhân dân.

Do đó, việc xử lý triệt để, nghiêm minh, đúng pháp luật đối với tội phạm giết người là điều rất cần thiết. Trong những năm qua, thực hiện nhiệm vụ chính trị của mình, các cơ quan tiến hành tố tụng thành phố Đà Nẵng tổ chức triển khai có hiệu quả, giải quyết tốt các vụ án hình sự xảy ra trên địa bàn đặc biệt là các vụ án hình sự về tội giết người. Điều này đã góp phần giữ vững an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội ở địa phương, tạo điều kiện thuận lợi để phát triển kinh tế và đảm bảo an sinh xã hội.

Tuy nhiên qua thực tiễn định tội danh và quyết định hình phạt trên địa bàn thành phố Đà Nẵng trong thời gian qua vẫn còn xảy ra những sai sót nhất định. Những sai sót này đã ảnh hưởng đến chất lượng giải quyết các vụ án hình sự và các vụ án về tội giết người nói riêng. Trong đó có những sai sót mang tính khách quan do cấu thành tội phạm của tội giết người có những đặc điểm gần giống với các tội phạm xâm hại đến tính mạng, sức khỏe khác, nhưng chưa có một văn bản hướng dẫn cụ thể, rõ ràng để phân biệt, nên quá trình điều tra, truy tố, xét xử vẫn còn có những quan điểm khác nhau về định tội danh.

Do vậy, việc nghiên cứu các dấu hiệu pháp lý đặc trưng của tội giết người để nhận diện và phân biệt với các tội danh khác, nghiên cứu những quy định của pháp luật hình sự về tội giết người cũng như việc áp dụng nó vào thực tiễn là rất cần thiết. Từ đó tìm ra những hạn chế, thiếu sót, những vướng mắc bất cập cần khắc phục trong quá trình áp dụng pháp luật để đề ra các giải pháp, kiến nghị nhằm hoàn thiện

các quy định của pháp luật hình sự về tội giết người và những tội phạm có liên quan, góp phần nâng cao chất lượng xét xử các vụ án giết người trên địa bàn thành phố Đà Nẵng nói riêng và cả nước nói chung. Qua nghiên cứu tội giết người theo pháp luật hình sự Việt Nam từ thực tiễn thành phố Đà Nẵng, người viết rút ra một số giải pháp, kiến nghị như sau:

*Thứ nhất:* Cần bổ sung các văn bản hướng dẫn để phân biệt giữa tội danh giết người với các tội phạm khác như: Giết người do vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng, giết người trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh, cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác trong trường hợp dẫn đến chết người...

*Thứ hai:* Cần có văn bản hướng dẫn áp dụng thống nhất các tình tiết định khung tăng nặng của tội giết người như: “Để thực hiện hoặc che dấu tội phạm khác, có tính chất côn đồ, giết người mà liền trước đó hoặc ngay sau đó lại phạm tội rất nghiêm trọng hoặc tội đặc biệt nghiêm trọng..”

*Thứ ba:* Bảo đảm nguyên tắc tranh tụng trong hoạt động tố tụng nói chung và tố tụng hình sự nói riêng. Qua tranh tụng trực tiếp tại phiên tòa, sự thật khách quan của vụ án mới được thể hiện, mới tránh được tình trạng án tại hồ sơ, án bỏ túi, việc đánh giá chứng cứ trọng cung hơn trọng chứng. Hội đồng xét xử phải thực hiện chức năng của mình bằng việc đưa ra những phán quyết khách quan, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật dựa trên kết quả tranh tụng công khai tại phiên tòa, thực hiện nghiêm Nghị quyết số 08-NQ/TW ngày 02/01/2002 của Bộ Chính trị Ban chấp hành Trung ương Đảng: “Việc phán quyết của Tòa án phải căn cứ chủ yếu vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa” và Nghị quyết số 37/NQ-QH13 ngày 23 tháng 11 năm 2012 của Quốc hội khoá XIII tiếp tục khẳng định: “Tòa án nhân dân tối cao chỉ đạo các Tòa án tiếp tục đẩy mạnh việc tranh tụng tại phiên tòa”.

Trong quá trình nghiên cứu và thực hiện đề tài, người viết đã có nhiều cố gắng, nỗ lực nhưng khả năng và điều kiện nghiên cứu có hạn nên chắc chắn luận văn không tránh khỏi những thiếu sót, rất mong nhận được sự góp ý chân thành của các thầy, cô, các nhà khoa học, những người có kinh nghiệm thực tiễn để luận văn được hoàn thiện.